

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2020
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mai Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Cường
2. Bà Vũ Hồng Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Quyên - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 12/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D - sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 7b khu 2 phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Có mặt tại phiên tòa

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn B - sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 7b khu 2 phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Có mặt tại phiên tòa

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày: chị và anh Vũ Văn B tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 29/12/2008, đăng ký tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu 01 năm và đều kết hôn lần đầu. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Ngoài ra, vợ chồng ở cùng với bố mẹ anh B nên cuộc sống chung phức tạp, chị có những bất hòa với gia đình chồng. Do vợ chồng không thể bàn bạc giải quyết được các mâu

thuần trong gia đình nên tình cảm dần bị mất mát, từ tháng 11/2019 đến nay chị đã đưa 01 con chung về nhà bố mẹ đẻ ở, hai bên sống ly thân.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể trở về đoàn tụ với anh B được nữa. Quan điểm của anh chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con Vũ Anh T - sinh ngày 09/7/2009 và Vũ Minh A – sinh ngày 09/12/2016.

Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con 2 con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung nên chị D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn B trình bày: Về điều kiện hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng phù hợp với lời khai của chị D.

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ đầu năm 2020, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay chị D đã đưa 01 con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Tuy nhiên anh B vẫn còn tình cảm với chị D nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con Vũ Anh T – sinh ngày 09/7/2009 và Vũ Minh A - sinh ngày 09/12/2016. Nếu phải ly hôn, quan điểm của anh B yêu cầu được nuôi cả 2 con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có quan điểm tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ còn bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án theo quy định tại điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về nội D: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là “ly hôn”, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập ngày 29/12/2008 đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh theo đúng quy định của pháp luật, do vậy quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được điều chỉnh theo luật hôn nhân và gia đình.

[3] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự đã thể hiện:

Mâu thuẫn của vợ chồng giữa chị D và anh B xảy ra là do bất đồng về quan điểm sống. Theo xác nhận của hai bên đương sự thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, đã ly thân mỗi người ở một nơi từ tháng 1/2020 đến nay. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên việc hòa giải không tiến hành được.

Đại diện chính quyền địa phương nơi cư trú cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và hiện tại đang sống mỗi người một nơi.

Tại phiên tòa anh B có mặt và nhận thức được việc đối xử của mình với vợ con trong cuộc sống là không đúng và trong thời gian vợ chồng ly thân chưa có biện pháp tích cực gì để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Tuy anh B có thiện chí đoàn tụ nhưng tại phiên tòa, chị D kiên quyết xin ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, nếu anh B thay đổi cách sống thì chị cũng không chấp nhận về đoàn tụ.

Như vậy là mâu thuẫn của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ theo quy định tại điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: vợ chồng có 02 con chung: Vũ Anh T - sinh ngày 09/7/2009 và Vũ Minh A – sinh ngày 09/12/2016.

Quan điểm hai bên đều yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: anh B và chị D đều xác nhận có đủ điều kiện nuôi con, có thu nhập ổn định và chỗ ở, hiện tại anh B đang trực tiếp nuôi con Vũ Anh T và chị D đang trực tiếp nuôi con Vũ Minh A. Cháu T có ý kiến được muốn ở với bố, còn cháu Vũ Minh Anh là con gái đang được mẹ nuôi dưỡng là phù hợp.

Theo quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, không thể chấp nhận yêu cầu về việc được nuôi hai con chung của cả chị D và anh B mà chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của cả hai bên về việc nuôi con chung, cụ thể: chị D sẽ tiếp tục nuôi con Vũ Minh A và anh B sẽ tiếp tục nuôi con Vũ Anh T đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng, các bên không yêu cầu nên không xem xét đến.

[5] Về tài sản chung: chị D và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị D được ly hôn với anh Vũ Văn B.

- Về con chung: chị Lê Thị D được quyền trực tiếp nuôi con Vũ Minh A - sinh ngày 09/12/2016 đến tuổi thành niên; anh Vũ Văn B được quyền trực tiếp nuôi con Vũ Anh T - sinh ngày 09/7/2009 đến tuổi thành niên.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con và đều được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ (B trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 02224 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh
- Viện kiểm sát nhân dân TP H
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QN
- Chi cục Thi hành án dân sự TP H
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Mai Lan

